

CHÍNH PHỦ
Số: 29/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước bao gồm:

1. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:

a. Doanh nghiệp nhà nước.

b. Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, xã hội.

c. Hợp tác xã.

d. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

đ. Công ty cổ phần.

e. Doanh nghiệp tư nhân.

2. Đơn vị kinh doanh hoạt động theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 2 tháng 3 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

3. Tổ chức, cá nhân mua cổ phần hoặc góp vốn vào các doanh nghiệp.

4. Doanh nghiệp do người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại Việt Nam .

5. Doanh nghiệp người nước ngoài cư trú lâu dài tại Việt Nam đầu tư trực tiếp tại Việt Nam .

Điều 2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là người Việt Nam ở nước ngoài) bao gồm người có quốc tịch Việt Nam định cư ở nước ngoài và người gốc Việt Nam có quốc tịch nước khác.

Người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư trực tiếp về nước có quyền lựa chọn theo Luật đầu tư tại Việt Nam hoặc Luật khuyến khích đầu tư trong nước, nhưng mỗi dự án đầu tư chỉ áp dụng một trong hai luật đó.

Điều 3. Để thực hiện đầu tư trực tiếp theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước, người gốc Việt Nam có quốc tịch nước khác phải khai báo nguồn gốc người Việt Nam của mình và phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam về đầu tư và thành lập doanh nghiệp.

Trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam yêu cầu, người gốc Việt Nam có quốc tịch khác phải có xác nhận bằng văn bản của cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài; hoặc của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà người gốc Việt Nam mang quốc tịch về nguồn gốc người Việt Nam của mình bằng một trong các ngôn ngữ quốc tế thông dụng.

Điều 4. Người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam là người nước ngoài đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy phép định cư tại Việt Nam.

Điều 5. Để được phép đầu tư trực tiếp thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đủ 18 tuổi trở lên.
2. Không bị mất trí.
3. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài mà chưa được xóa án, hoặc còn ở trong thời gian bị cấm quyền kinh doanh theo bản án của Tòa án nước ngoài.
4. Có số vốn đầu tư ít nhất bằng mức vốn pháp định cho loại hình doanh nghiệp và ngành, nghề kinh doanh theo Nghị định số 221/HĐBT và số 222/HĐBT ngày 23/7/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

CHƯƠNG II

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 6. Nhà nước hỗ trợ đầu tư trực tiếp từ ngân sách Nhà nước thông qua các Chương trình đầu tư quốc gia, dự án đầu tư quốc gia nhằm thực hiện các mục tiêu tạo công ăn việc làm, xoá đói giảm nghèo, định canh định cư, phủ xanh đất trống, đồi, núi trọc, sử dụng mặt nước chưa khai thác... Đối tượng được hỗ trợ đầu tư, phương thức tổ chức quản lý và thời hạn thực hiện các Chương trình đầu tư quốc gia và dự án đầu tư quốc gia do Chính phủ quy định cho từng chương trình và dự án cụ thể.

Điều 7. Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia được thành lập nhằm mục đích:

1. Huy động vốn trung hạn và dài hạn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
2. Cho vay vốn trung hạn và dài hạn đối với các dự án đầu tư trong các ngành, nghề thuộc diện ưu đãi;
3. Cho vay vốn trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi đối với các dự án đầu tư ở các vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và vùng có khó khăn quy định tại danh mục C kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia là một tổ chức tài chính có tư cách pháp nhân hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí quản lý. Quỹ hoạt động theo điều lệ riêng do các bên góp vốn điều lệ ban đầu thoả thuận và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 9. Vốn điều lệ ban đầu của Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia gồm vốn góp của ngân sách Nhà nước, vốn góp của các quỹ bảo hiểm, của các tổ chức tín dụng và của các doanh nghiệp khác trên lãnh thổ Việt Nam. Danh sách và mức vốn góp ban đầu của các tổ chức nói trên cho Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia do Chính phủ quyết định. Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định mức vốn ngân sách Nhà nước góp lần đầu và bổ sung hàng năm vào Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia. Các tổ chức kinh tế, xã hội, các cá nhân trong và ngoài nước, không phân biệt thành phần kinh tế, đều có thể góp vốn vào Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia theo nguyên tắc tự nguyện.

Điều 10. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tham khảo ý kiến các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hữu quan xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 11. Cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu thuộc diện ưu tiên phát triển đã ký kết hợp đồng xuất khẩu hoặc đã bán hàng ra nước ngoài được ngân hàng thương mại quốc doanh ưu tiên về mức

vốn cho vay để sản xuất, thu mua hàng xuất khẩu. Trong trường hợp ngân hàng thương mại quốc doanh không có đủ vốn để cho vay, thì Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm bổ sung thêm vốn tín dụng cho ngân hàng thương mại quốc doanh trong khuôn khổ quy định hiện hành.

Riêng đối với một số mặt hàng xuất khẩu quan trọng thuộc diện ưu tiên phát triển nói trên do Bộ Thương mại chủ trì cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan trình chính phủ theo quy định tại Điều 9 Nghị định của Chính phủ số 33/CP ngày 19/4/1994, khi giá thị trường thế giới xuống giá thấp hoặc giá thị trường trong nước đối với các nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu đó lên cao gây thua lỗ lớn cho cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu, Nhà nước sẽ xem xét hỗ trợ thông qua Quỹ bình ổn giá để giảm một phần lãi suất tín dụng. Ban Vật giá của Chính phủ chủ trì cùng các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức và thời điểm hỗ trợ cụ thể theo mục tiêu và điều lệ quản lý của Quỹ này.

Điều 12. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn pháp lý, tổ chức dạy nghề và đào tạo cán bộ kỹ thuật, đào tạo và nâng cao kiến thức quản lý, cung cấp thông tin kinh tế, phổ biến và chuyển giao công nghệ để hỗ trợ hoạt động đầu tư trong nước.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định cụ thể hướng dẫn việc chuyển giao công nghệ được tạo ra bởi kinh phí của ngân sách Nhà nước cho các doanh nghiệp thuộc diện điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 13. Nghiêm cấm các cơ quan Nhà nước trực tiếp kinh doanh dịch vụ tư vấn đầu tư để thu lợi.

Điều 14. Sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư trực tiếp về nước được chuyển ra nước ngoài:

1. Lợi nhuận thu được trong quá trình sản xuất kinh doanh.
2. Tiền gốc và lãi của các khoản vay từ nước ngoài trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Các khoản tiền và tài sản khác thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình.

Trong trường hợp giải thể doanh nghiệp, bán toàn bộ doanh nghiệp, hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác, người Việt Nam ở nước ngoài được chuyển ra nước ngoài số vốn đầu tư đã chuyển hợp pháp từ nước ngoài vào Việt Nam.

CHƯƠNG III

ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

Điều 15. Những dự án đầu tư sau đây thuộc diện ưu đãi về thuế:

1. Đầu tư vào các ngành, nghề được quy định tại Danh mục A kèm theo Nghị định này.
2. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ hiện đại có ít nhất một trong các tiêu chuẩn quy định dưới đây:
 - a) Công nghệ được áp dụng có khả năng tạo ra sự đổi mới công nghệ, thiết bị của các ngành khác, như công nghệ chế tạo máy, điện, điện tử, tin học...
 - b) Công nghệ sử dụng nguyên liệu trong nước để làm ra sản phẩm đạt các chỉ tiêu kỹ thuật cao hơn so với các sản phẩm hiện có cùng loại.
 - c) Công nghệ tạo ra sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc có thể thay thế hàng nhập khẩu.
 - d) Công nghệ có tác dụng nâng cao chất lượng sản phẩm của các ngành, nghề truyền thống.
 - đ) Công nghệ sạch, công nghệ sử dụng nguyên liệu là các chất phế thải có tác dụng làm giảm ô nhiễm môi trường.
 - e) Công nghệ sản xuất vật liệu mới.
 - g) Công nghệ cao.
3. Đầu tư thành lập cơ sở sản xuất mà từ khi bắt đầu hoạt động đã sử dụng số lao động tối thiểu là:
Ở đô thị: 300 người.
Ở miền núi: 50 người.
Ở các vùng khác: 200 người.
4. Đầu tư vào các huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo được quy định tại Danh mục B kèm theo Nghị định này.